

Bản án số: 132/2024/DS-PT

Ngày: 10-9-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thảo

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Vân

Ông Huỳnh Châu Thạch

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Mai Tất Thái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:** Ông Trần Minh Công - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 139/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2024/DS-ST ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 317/2024/QĐ-PT ngày 21/8/2024 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Ng, sinh năm: 1964; Địa chỉ: Số 766 H V, thị trấn Đ V, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

+ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân D, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Thôn N S 2, xã Ph, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Phạm Huyền Tr, sinh năm: 2000. Địa chỉ: Thôn H B Tr, xã N, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng (Theo Văn Bản ủy quyền lập ngày 26/6/2024). Có mặt

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Đỗ Thị Ng trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết với nhau nên bà đã cho bà Nguyễn Thị Xuân D vay tiền nhiều lần. Cụ thể vào ngày 13-01-2023 bà có cho bà Nguyễn Thị Xuân D vay số tiền 50.000.000 đồng, hạn đến ngày 23-01-2023 bà D sẽ thanh toán cả gốc và lãi; Mức lãi suất hai bên thỏa thuận miệng theo quy định của pháp luật. Ngày 15-3-2023 bà có cho bà Nguyễn Thị Xuân D vay thêm số tiền 150.000.000 đồng, hạn đến ngày 15-4-2023 bà D sẽ thanh toán cả gốc và lãi; Mức lãi suất hai bên thỏa thuận miệng theo quy định của pháp luật. Cả hai lần vay thì hai bên đều viết giấy vay tiền với nhau có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị Xuân D với tổng số tiền vay là 200.000.000 đồng.

Đối với khoản vay ngày 13-01-2023 thì bà D đã thanh toán lãi đầy đủ, còn xin khất lại nợ gốc đến tháng 7 năm 2023 sẽ thanh toán đầy đủ cả hai khoản vay trên. Đến ngày 28-7-2023 bà Nguyễn Thị Xuân D mới thanh toán được cho bà số tiền gốc là 100.000.000 đồng (trong đó có 50.000.000 đồng là nợ gốc vay ngày 13-01-2023; 50.000.000 đồng là nợ gốc vay ngày 15-3-2023; còn lãi suất chưa thanh toán). Quá thời hạn thanh toán cả gốc và lãi như các bên đã thỏa thuận nhưng bà Nguyễn Thị Xuân D cố tình khất không chịu trả mặc dù bà đã liên hệ nhiều lần đề nghị thanh toán nhưng không được.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp nên bà Đỗ Thị Ng làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Xuân D phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi cụ thể như sau:

+ Tiền lãi của khoản nợ gốc tính từ ngày 15-3-2023 đến 28-7-2023: $150.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 4 \text{ tháng} = 11.039.000 \text{ đồng}$.

+ Tiền lãi 1,66%/tháng tính từ ngày 28-7-2023 đối với số tiền gốc 100.000.000 đồng đến khi giải quyết xong vụ án. Ngoài ra, bà Đỗ Thị Ng không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân D, người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên bà Nguyễn Thị Xuân D nhiều lần vay tiền của bà Đỗ Thị Ng để đáo hạn Ngân hàng, tất cả những lần vay thì bà D đều trả đầy đủ. Năm 2023 bà D có vay của bà Ng để đáo hạn Ngân hàng, sau khi đáo hạn thì xong thì bà D vay lại bà Nguyệt số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 06-02-2023, do lâu quá nên bà D cũng không nhớ hai bên có viết giấy tờ với nhau hay không, đến ngày 07-02-2023 thì bà D chuyển trả 100.000.000 đồng và ngày 08-02-2023 chuyển trả 50.000.000 đồng. Quá trình vay bà D cũng đã trả lãi nhiều lần cho bà Ng nhưng bà không nhớ là bao nhiêu; Bà D thừa nhận có ký vào trong hai giấy

vay tiền ngày 13-01-2023 và ngày 15-3-2023. Ngày 28-7-2023 bà D chuyển trả 100.000.000 đồng. Nay bà D chỉ còn nợ của bà Nguyệt 50.000.000 đồng tiền gốc, do điều kiện khó khăn nên chưa trả số nợ trên cho bà Ng được, nếu bà Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện thì bà D đề nghị Tòa án căn cứ tài liệu chứng cứ vụ án hai bên đã cung cấp để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, bà D không trình bày gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2024/DS-ST ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà. Xứ.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Ng về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bà Nguyễn Thị Xuân D.

Buộc bà Nguyễn Thị Xuân D phải trả cho bà Đỗ Thị Ng số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 9.074.666 đồng. Tổng cộng là: 109.074.666 (*một trăm lẻ chín triệu, không trăm bảy mươi bốn ngàn, sáu trăm sáu sáu*) đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Ng về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Xuân D trả tiền lãi suất là 20.113.667 đồng.

Ngoài ra quyết định của bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 27/6/2024 bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân D kháng cáo, cho rằng quá trình vay chỉ còn nợ bà Ng số tiền 50.000.000đ nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân D (do chị Phạm Huyền Tr là người đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị chấp nhận kháng cáo. Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giải quyết như bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự phúc thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân D, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc nguyên đơn cho rằng ngày 13/01/2023 bà Ng cho bà D mượn số tiền 50.000.000đ; ngày 15/3/2023 cho bà D mượn số tiền 150.000.000đ; đến ngày 28/7/2023 bà D đã trả 100.000.000đ (trong đó trả 50.000.000đ của tiền gốc đợt vay ngày 13/01/2023), vì vậy bà Ng khởi kiện yêu

cầu bà D trả 100.000.000đ tiền gốc và tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 28/7/2023 đến ngày 26/6/2024 là 10 tháng 28 ngày = 9.074.666đ. Phía bị đơn thừa nhận ngày 06/02/2023 có vay của bà Ng số tiền 300.000.000đ; ngày 07/02/2023 bị đơn đã chuyển trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000đ, ngày 08/02/2023 đã chuyển trả cho nguyên đơn số tiền 50.000.000đ, ngày 28/7/2023 đã chuyển trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000đ; do đó bà D xác định chỉ còn nợ bà Ng số tiền gốc 50.000.000đ; đối với số tiền lãi bà D đã trả cho bà Ng nhiều lần nhưng không nhớ bao nhiêu nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là có căn cứ.

Đối với việc đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi 20.113.667đ do các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà D thấy rằng:

[2.1] Theo giấy mượn tiền ngày 13/01/2023 thể hiện bà D có mượn của bà Ng số tiền 50.000.000đ, ngày 15/3/2023 mượn số tiền 150.000.000đ. Bà D thừa nhận chữ viết và chữ ký trong các giấy mượn tiền là do bà D viết và ký ra. Bà Ng thừa nhận ngày 28/7/2023 bà D chuyển khoản trả cho bà Ng số tiền 100.000.000đ, trong đó 50.000.000đ tiền gốc của khoản vay 13/01/2023. Nên căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là sự kiện được các đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh.

[2.2] Đối với khoản vay 50.000.000đ ngày 13/01/2023, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày đã trả cho nguyên đơn nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc trả tiền, còn bà Ng không thừa nhận. Do đó, không có cơ sở xem xét.

[2.3] Đối với các khoản sao kê thể hiện bà D trả tiền cho bà Ng vào các ngày 05/02/2023 trả 4.100.000đ, ngày 06/02/2023 trả 3.600.000đ, ngày 17/03/2023 trả 2.000.000đ, ngày 12/04/2023 trả 6.400.000đ, ngày 10/6/2023 trả 5.000.000đ thì bị đơn không chứng minh được trả nợ gốc hay lãi hoặc cho khoản tiền nào.

[2.4] Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn có xuất trình bản chính giấy vay tiền ngày 06/02/2023, theo đó bà D vay của bà Ng số tiền 300.000.000đ để đáo hạn ngân hàng; đối với số tiền này bà Ng thừa nhận ngày 07/02/2023 bà D đã trả 100.000.000đ, ngày 08/02/2023 đã trả 50.000.000đ, là phù hợp với các khoản sao kê của bà D thể hiện ngày 07/02/2023 chuyển cho bà Ng số tiền 101.018.352đ và ngày 07/02/2023 chuyển cho bà Ng số tiền 51.018.352đ và bà D xác nhận hai khoản này trả cho khoản vay 300.000.000đ trước đó; sau khi trả còn nợ lại 150.000.000đ nên bà D viết giấy vay ngày 15/3/2023. Mặt khác, tại tin nhắn Zalo

ngày 28/7/2023 thể hiện bà D thống nhất số tiền bà Ng chốt 100.000.000đ nợ gốc và lãi chưa trả. Hơn nữa, tại bản trình bày ý kiến ngày 19/4/2024 bà D cũng đồng ý trả cho bà Ng số tiền theo như đơn khởi kiện của bà Ng với số tiền nợ là 100.000.000đ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi 9.074.000đ là có căn cứ.

Từ phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Xuân D.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2024/DS-ST ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Ng đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân D về việc khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Xuân D phải trả cho bà Đỗ Thị Ng số tiền 109.074.666đồng (một trăm triệu lẻ chín triệu không trăm bảy mươi bốn ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó tiền gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi 9.074.666 đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Ng về việc buộc bà Nguyễn Thị Xuân D phải trả số tiền lãi suất là 20.113.667đ (hai mươi triệu một trăm mười ba ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng)

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Ng số tiền 3.094.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số 0004571 ngày 28/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Nguyễn Thị Xuân D phải chịu 5.453.733 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Xuân D phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số 0004844 ngày 08/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Bà D đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện Lâm Hà (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Thảo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Vân

Nguyễn Văn Đức

Nguyễn Thành Tâm

